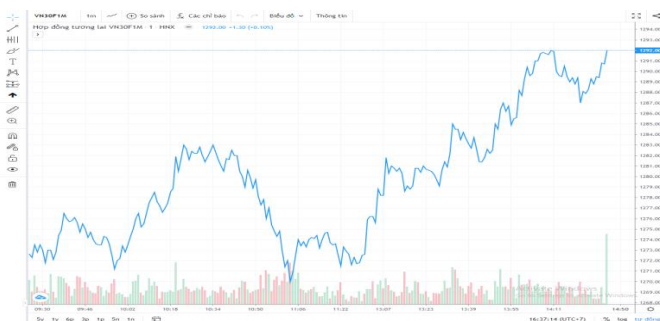


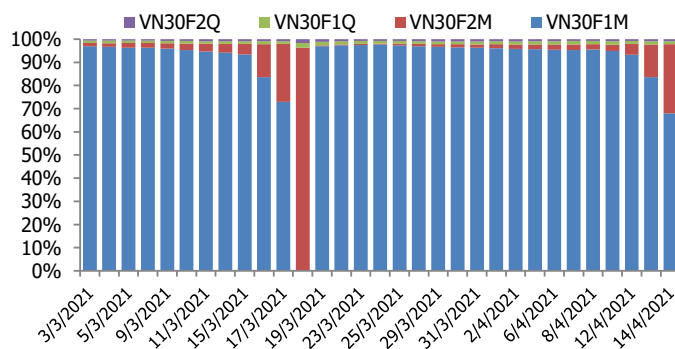
BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

MÃ	Ngày đáo hạn	Số ngày	Đóng cửa	OI
VN30F2104	15/4/2021	1	1292.00	21,880
VN30F2105	20/5/2021	36	1290.00	9,617
VN30F2109	16/9/2021	155	1285.10	433
VN30F2112	16/12/2021	246	1286.50	274

TỶ TRỌNG VỊ THỂ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- VN30F2104 đóng cửa với sắc xanh tích cực hơn 21 điểm trong phiên giao dịch trước ngày đáo hạn của hợp đồng này. Các hợp đồng còn lại cũng duy trì đà tăng hơn 13 điểm khi kết phiên cao hơn so với mức tăng 13,42 điểm của chỉ số cơ sở VN30. Do đó, basis của các hợp đồng tương lai đều mạnh lên so với phiên liền trước. Cụ thể, basis của VN30F2104 tăng lên +1,23 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2105 cũng tăng lên -0,77 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay.
- Thị trường cơ sở hôm nay lại rung lắc lần nữa và có thể thấy quan điểm giao dịch được lặp lại: Tiền nhẩy vào bắt đáy ngay, kéo thị trường tăng tiếp. Không rõ các nhịp giảm intraday là phân phối ẩn hay không, nhưng cứ chùng xuống là tiền vào mức. Kết quả quan trọng nhất hôm nay là độ rộng thị trường tích cực, cổ phiếu quay đầu tăng gần tương đương với số giảm hôm qua. Lúc này, nhóm cổ phiếu trụ chính là chỉ báo của thị trường, chùng nào nhóm này vẫn tiếp tục nâng đỡ thị trường hoặc tích cực hơn là luân phiên thay nhau dẫn dắt thì chỉ số VN30 có thể hướng tới đỉnh cao mới.
- HĐTL VN30F1M chỉ còn 1 phiên giao dịch và cửa tăng lớn hơn cửa giảm. Lượng OI còn giữ đến phiên hôm nay (21.880 hợp đồng). Các chỉ số nếu gặp cản cũng vẫn còn dư địa cho tới khi đáo hạn hợp đồng tháng 4. Vì vậy chiến lược trading theo vị thế Long vẫn rất sáng. Kế hoạch Long mới sẽ cân nhắc trong khu vực giá từ 1286 – 1289 điểm. Trong khi đó, vị thế Short ngắn có thể xem xét mở ra nếu chỉ số suy yếu tại các ngưỡng kháng cự 1296; 1308 và 1323 điểm.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Chiến lược giao dịch trong ngày

Tiếp tục trading theo vị thế Long khi xu hướng tăng vẫn được duy trì. Kế hoạch Long mới sẽ cân nhắc trong khu vực giá từ 1286 – 1289 điểm. Trong khi đó, vị thế Short ngắn có thể xem xét mở ra nếu chỉ số suy yếu tại các ngưỡng kháng cự 1296; 1308 và 1323 điểm.

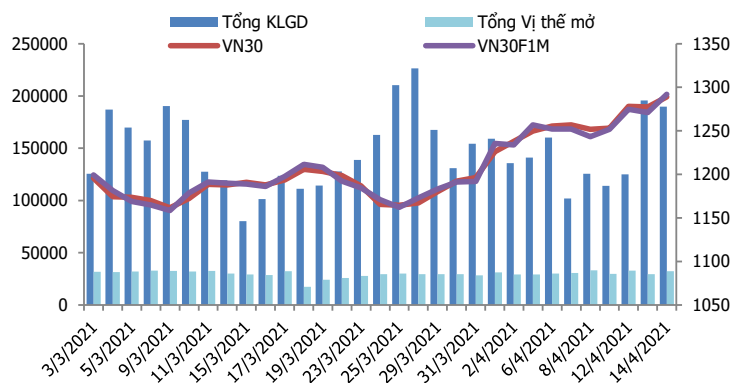
Chiến lược giao dịch ngắn hạn

Xem xét nắm giữ vị thế Long, chốt lời vùng kỳ vọng 1298-1323 điểm.

Chiến lược giao dịch spread

Nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.

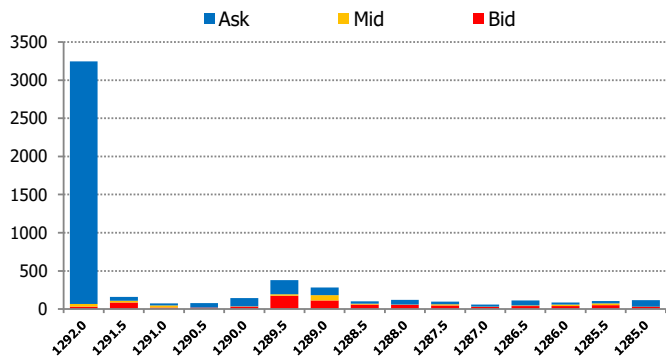
DIỄN BIẾN THANH KHOẢN HỢP ĐỒNG VN30F1M



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐT L CÁC KỲ HẠN

Hợp đồng	Giá	% Chg	KLGD	% Chg	OI	% Chg
VN30F2104	1292.0	1.65	176,458	-7.2	21,880	-11.3
VN30F2105	1290.0	1.49	13,171	151.2	9,617	132.4
VN30F2109	1285.1	1.08	132	-48.0	433	-0.9
VN30F2112	1286.5	1.30	125	17.9	274	10.0
Tổng			189,886	-2.9	32,204	9.2

THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M



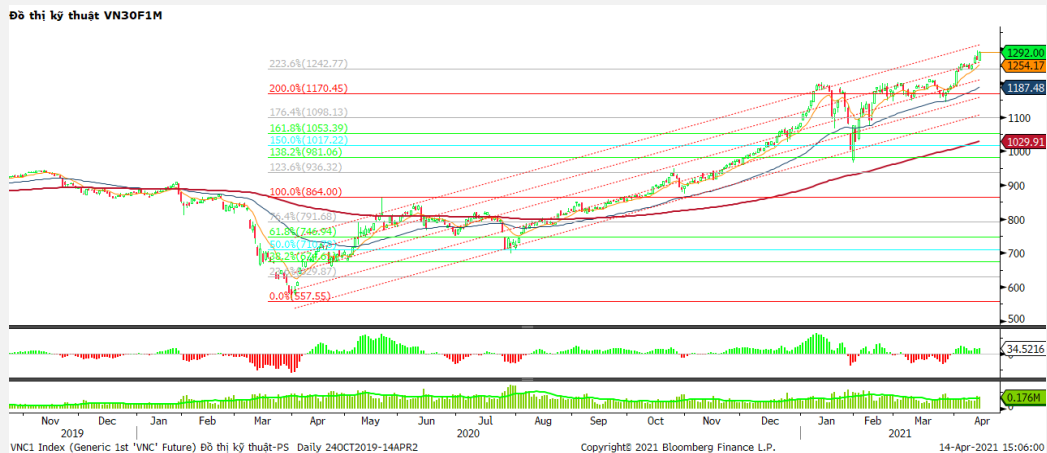
NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐT L

- VN30F2104 đóng cửa với sắc xanh tích cực hơn 21 điểm trong phiên giao dịch trước ngày đáo hạn của hợp đồng này. Các hợp đồng còn lại cũng duy trì đà tăng hơn 13 điểm khi kết phiên cao hơn so với mức tăng 13,42 điểm của chỉ số cơ sở VN30.
- Thanh khoản thị trường phái sinh giảm nhẹ so với phiên trước đó với tổng giá trị giao dịch đạt 189.886 hợp đồng, giảm 2,9%. Trong đó, thanh khoản tập trung tại hợp đồng tương lai tháng 4 với 176.458 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2104 là 1289,06 điểm (thấp hơn 2,94 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2105 là 1290,65 điểm (+0,65 điểm), VN30F2106 là 1296,10 điểm (+11,00 điểm) và VN30F2109 là 1300,28 điểm (+13,78 điểm).

XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M

Khung thời gian	15m	1h	Daily
Tổng kết	BUY	BUY	BUY
Hỗ trợ	1286-1289	1273-1278	1250-1265
Kháng cự	1296-1300	1304-1308	1323-1331

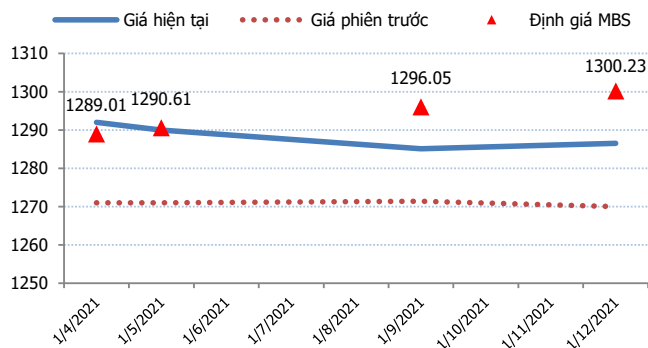
ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M



DIỄN BIẾN CHÊNH LỆCH GIÁ HĐTL

Spread HĐTL	Hiện tại	Phiên trước	+/-	MA5
VN30F2M - VN30F1M	-2	0.00	-2	-1.68
VN30F1Q - VN30F1M	-6.9	0.40	-7.3	-2.70
VN30F1Q - VN30F2M	-4.9	0.40	-5.3	-1.02
VN30F2Q - VN30F1M	-5.5	-1.00	-4.5	-3.46
VN30F2Q - VN30F2M	-3.5	-1.00	-2.5	-1.78
VN30F2Q - VN30F1Q	1.4	-1.40	2.8	-0.76

ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỲ HẠN



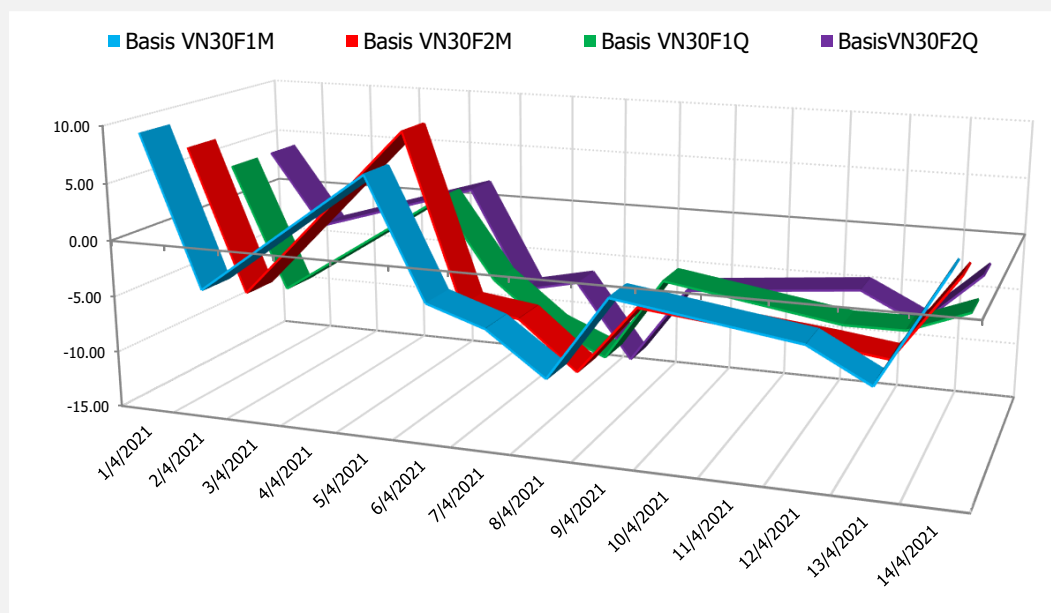
DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M



NHẬN ĐỊNH CHÊNH LỆCH GIÁ HĐTL

- VN30F2104 đóng cửa với sắc xanh tích cực hơn 21 điểm trong phiên giao dịch trước ngày đáo hạn của hợp đồng này. Các hợp đồng còn lại cũng duy trì đà tăng hơn 13 điểm khi kết phiên cao hơn so với mức tăng 13,42 điểm của chỉ số cơ sở VN30. Do đó, basis của các hợp đồng tương lai đều mạnh lên so với phiên liền trước. Cụ thể, basis của VN30F2104 tăng lên +1,23 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2105 cũng tăng lên -0,77 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay.
- Chênh lệch giá giữa các hợp đồng cuối phiên giao dịch hôm nay có xu hướng giảm so với phiên liền trước, hiện nằm trong khoảng -6,9 điểm đến +1,4 điểm. Trong đó, chênh lệch giá hai hợp đồng kỳ hạn gần nhất (VN30F2105-VN30F2104) giảm xuống mức -2 điểm. Hiện tại, chênh lệch giữa các vị thể chưa rõ ràng nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thể giao dịch spread mới phù hợp hơn.

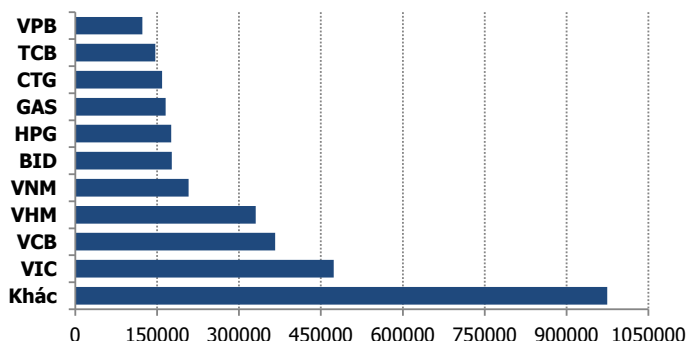
DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL



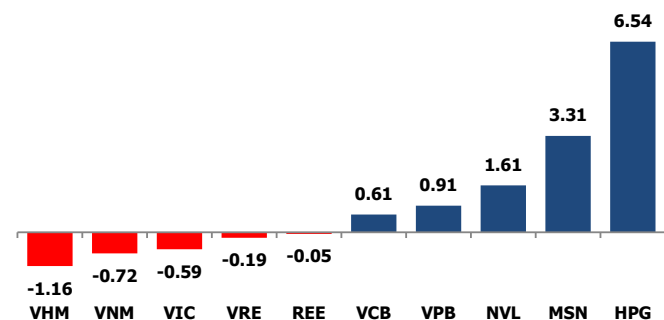
DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

	VNIndex	VN30
Đóng cửa	1255.87	1290.77
Thay đổi	7.54	13.42
%Chg	0.60	1.05
YTD	13.77	20.55
Vốn hóa (ngh.tỷ đồng)	4,700.65	3,298.87
P/E	19.46	16.61
P/B	2.63	2.87

TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30



CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX



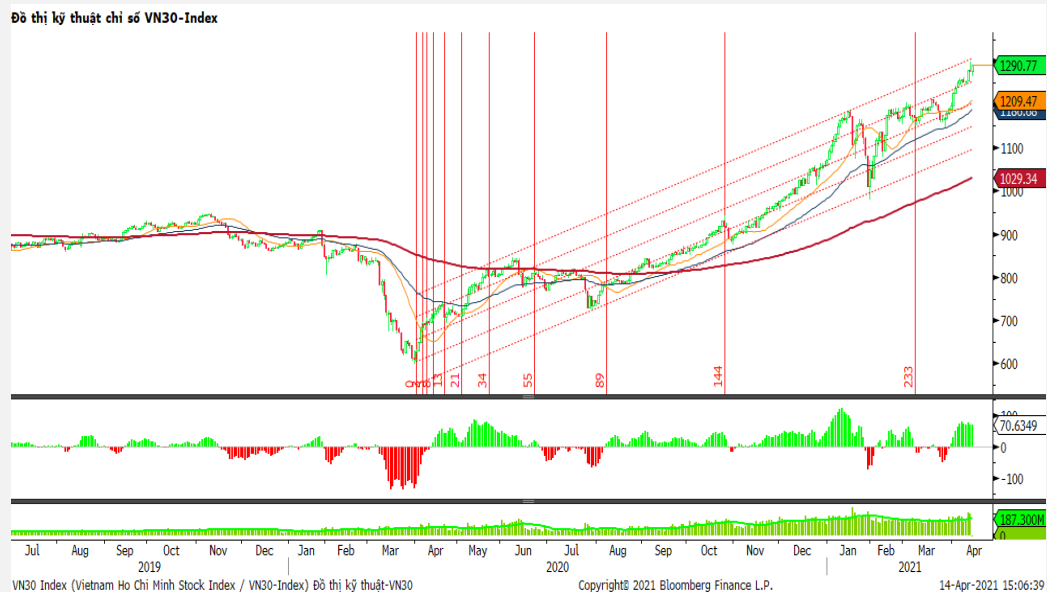
NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30

- Sắc xanh chiếm ưu thế trong rổ VN30 khi kết phiên với 20 mã tăng, 9 mã giảm và 1 mã đứng giá. MSN với sắc tím kịch trần là mã dẫn đầu nhóm cổ phiếu này. HPG theo sau khi tăng gần 6%, NVL bật hơn 3%, CTG, VCB và SSI là những mã tăng hơn 1%. Ngược lại, VHM sụt giảm mạnh nhất nhóm với sắc đỏ 2%.

Chốt phiên, chỉ số VN30 tăng 13,42 điểm (1,05%) lên 1290,77 điểm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 211,80 triệu cổ phiếu tương ứng giá trị 9.847 tỷ đồng.

Khối ngoại trở lại bán ròng gần 1.030 tỷ đồng trong phiên giao dịch hôm nay. Trong đó, lực bán chủ yếu tập trung VHM (610,16 tỷ đồng), VNM (165,12 tỷ đồng), CRE (131,86 tỷ đồng), VIC (121,89 tỷ đồng),...

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Chỉ số	Điểm số	%Chg	P/E	YTD
VNIIndex	1,255.87	0.60	19.46	13.77
Dow Jones	33,730.89	0.16	29.86	10.21
S&P500	4,124.66	(0.41)	33.48	9.81
Nikkei 225	29,709.20	0.30	33.96	8.25
Shanghai	3,416.72	0.60	17.46	(1.62)
DAX	15,209.15	(0.17)	49.45	10.86
Vàng	1,739.52	0.18		(8.37)
Dầu WTI	62.77	(0.60)		29.37

LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI

	Kỳ trước	Dự báo	Thực tế
Thứ Hai - 12/04/2021			
Thứ Ba - 13/04/2021			
Mỹ- CPI lõi T3	0.10%	0.20%	0.30%
Thứ Tư - 14/04/2021			
NZD- Quyết định lãi suất	0.25%	0.25%	0.25%
Mỹ- Dự trữ dầu thô	-3.522M		-5.889M
Thứ Năm - 15/04/2021			
Mỹ - Đề nghị trợ cấp thất nghiệp	744K	700K	
Thứ Sáu - 16/04/2021			
Trung Quốc- GDP Quý 1	6.50%	18.90%	
Trung Quốc- Sản lượng CN	35.10%	17.20%	
Thứ Hai - 19/04/2021			

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

- Phố Wall trái chiều dù mùa báo cáo lợi nhuận quý I có khởi đầu tốt. Đóng cửa, chỉ số S&P 500 giảm 0,4% xuống 4.124,66 điểm, sau khi đạt mức cao kỷ lục mới trước đó trong phiên. Chỉ số Dow Jones chỉ tăng 53,62 điểm, tương đương 0,2%, lên 33.730,89 điểm. Có thời điểm, Dow Jones tăng hơn 200 điểm và chạm mức cao nhất mọi thời đại. Nasdaq Composite giảm 1% xuống 13.857,84 điểm.
- Tồn kho tại Mỹ giảm sâu, giá dầu tăng gần 5%. Giá dầu Brent tương lai tăng 2,91 USD, tương đương 4,6%, lên 66,58 USD/thùng. Giá dầu WTI tương lai tăng 2,97 USD, tương đương 4,9%, lên 63,15 USD/thùng. Tồn kho dầu thô tại Mỹ trong tuần kết thúc ngày 9/4 giảm 5,9 triệu thùng.
- Giá vàng ngày 14/4 giảm do lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ tăng, khiến lực cầu với kim loại quý này đi xuống. Giá vàng giao ngay tại sàn New York giảm 9,4 USD xuống 1.736,4 USD/ounce. Giá vàng tương lai giảm 0,6% xuống 1.736,3 USD/ounce.

NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30

Xét về mức độ ảnh hưởng, bộ 3 HPG, MSN và NVL là những nhân tố chính giúp chỉ số VN30 đảo chiều tăng điểm. Trong đó, HPG đóng góp 6,54 điểm cho chỉ số VN30.

Phân tích kỹ thuật HPG



DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

Cổ phiếu	Ngành	Tỷ trọng (%)	Giá	%Chg	H-L	GTGD	Điểm tác động	PE	PB
HPG	Metals & Mining	9.25	53,000	5.79	6.81%	1475.79	6.54	13.06	2.97
TCB	Banks	9.12	41,800	0.48	2.57%	404.573	0.56	11.87	1.98
VIC	Real Estate Management & Development	9.07	140,000	-0.50	2.68%	574.857	-0.59	82.89	5.76
VPB	Banks	8.84	50,100	0.80	2.45%	420.499	0.91	11.73	2.33
VNM	Food Products	7.91	99,300	-0.70	1.11%	347.217	-0.72	20.82	6.63
MBB	Banks	5.03	31,250	0.48	2.45%	468.303	0.31	10.54	1.83
FPT	Electronic Equipment, Instruments & Components	4.87	81,000	0.37	1.89%	203.016	0.23	17.92	4.03
VHM	Real Estate Management & Development	4.52	100,500	-1.95	2.66%	811.833	-1.16	12.09	3.86
MSN	Food Products	3.97	100,700	6.90	7.47%	652.198	3.31	95.54	7.42
MWG	Specialty Retail	3.93	135,400	0.37	1.42%	63.585	0.19	15.65	3.96
VCB	Banks	3.86	98,700	1.23	1.86%	130.389	0.61	19.84	3.89
STB	Banks	3.76	22,900	0.88	3.38%	795.789	0.42	15.40	1.43
NVL	Real Estate Management & Development	3.57	100,100	3.62	4.82%	355.144	1.61	25.16	3.86
VJC	Airlines	3.31	132,000	0.08	0.99%	67.034	0.03	#N/A N/A	4.95
HDB	Banks	2.98	27,900	0.90	2.01%	81.764	0.35	10.46	1.93
CTG	Banks	2.29	42,750	1.66	3.61%	605.852	0.48	11.62	1.88
TPB	Banks	1.76	29,650	0.17	2.59%	123.94	0.04	8.45	1.83
VRE	Real Estate Management & Development	1.74	35,000	-0.85	1.73%	202.791	-0.19	33.39	2.71
PNJ	Textiles, Apparel & Luxury Goods	1.69	91,500	0.88	2.81%	44.522	0.19	20.19	3.97
SSI	Capital Markets	1.33	35,950	0.98	3.43%	584.741	0.17	17.17	2.20
PDR	Real Estate Management & Development	1.13	67,600	-0.29	1.49%	186.483	-0.04	24.16	5.77
KDH	Real Estate Management & Development	1.10	31,700	0.79	2.74%	42.43	0.11	15.51	2.18
GAS	Gas Utilities	0.79	86,500	0.58	2.69%	64.28	0.06	21.09	3.42
PLX	Oil, Gas & Consumable Fuels	0.71	55,200	0.55	2.02%	46.464	0.05	76.36	3.18
REE	Industrial Conglomerates	0.70	52,900	-0.56	1.53%	26.755	-0.05	10.08	1.43
BID	Banks	0.68	44,000	0.80	3.02%	123.877	0.07	25.29	2.32
POW	Independent Power and Renewable Electricity Producer	0.62	13,800	-0.36	2.58%	204.234	-0.03	13.66	1.13
SBT	Food Products	0.53	22,250	0.00	2.29%	70.141	0.00	23.52	1.76
TCH	Machinery	0.50	24,500	-0.41	4.18%	165.877	-0.03	9.52	1.76
BVH	Beverages	0.43	60,700	-0.16	1.68%	80.787	-0.01	35.06	2.24

STT	Thông tin cơ bản HĐTL VN30	Đặc điểm sản phẩm
1	Mã hợp đồng	VN30F-yy-mm
2	Tài sản cơ sở	Chỉ số cổ phiếu VN30
3	Hệ số nhân hợp đồng	100.000 đồng
4	Quy mô 01 hợp đồng	100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30
5	Tháng đáo hạn	- Tháng hiện tại - Tháng tiếp theo - Hai tháng cuối 2 quý gần nhất
6	Phương thức giao dịch	- Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận
7	Thời gian giao dịch	GD Khớp lệnh định kỳ - ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45
	GD khớp lệnh liên tục	- Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30
	GD Thỏa thuận	- 08h45 - 14h45
8	Các loại lệnh giao dịch	LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC.
9	Nguyên tắc khớp lệnh	Ưu tiên giá và thời gian.
10	Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh	01 hợp đồng
11	Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh	500 hợp đồng
12	Đơn vị yết giá/ Bước giá	0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng
13	Biên độ dao động	+/- 7%
14	Ngày giao dịch cuối cùng	Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước.
15	Ngày thanh toán cuối cùng	Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng.
16	Phương thức thanh toán	Thanh toán bằng tiền
17	Giá thanh toán hàng ngày	Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng.
18	Giá thanh toán cuối cùng	Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL.
19	Giá tham chiếu	Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước.
20	Mở tài khoản	Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS.
21	Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK	NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng
22	Mức ký quỹ ban đầu	Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn.
23	Mức ký quỹ duy trì	Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu.
24	Ký quỹ bổ sung	Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch.
25	Thoát khỏi hợp đồng tham gia	Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó.

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội
Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601
[Webiste: www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)
Hotline: **1900 9088**

KHỐI NGHIÊN CỨU | PHÒNG NGHIÊN CỨU KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Trần Hoàng Sơn	Trưởng bộ phận/Kiểm soát	son.tranhoang@mbs.com.vn
Phạm Văn Quỳnh	Chuyên viên nghiên cứu	quynh.phamvan@mbs.com.vn
Nguyễn Hòa Hợp	Chuyên viên nghiên cứu	hop.nguyenhoa@mbs.com.vn